BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7115/TB-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc tuyển sinh khóa 1 Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có nguyện vọng trở thành giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 91/2026/TT-BGDĐT

Căn cứ Thông tư số 91/2026/TT-BGDĐT ngày 23/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có nguyện vọng trở thành giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (sau đây gọi là Chương trình bồi dưỡng), có hiệu lực thi hành từ ngày 08/12/2026;

Căn cứ Quyết định số 6933/QĐ-ĐHĐT ngày 10/11/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc phê duyệt chủ trương và ban hành mức thu học phí tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có nguyện vọng trở thành giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 91/2026/TT-BGDĐT;

Trường Đại học Đồng Tháp thông báo tuyển sinh khóa 1 Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (NVSP) cho người có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học, trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) như sau (hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục kèm theo):

1. Chương trình: Tổng cộng 32 tín chỉ cho cả ba cấp học:

- Khối kiến thức chung 12 tín chỉ;

- Khối kiến thức chuyên ngành và thực tập sư phạm 20 tín chỉ.

Hoàn thành chương trình, học viên được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP giáo viên cho một hoặc nhiều cấp học (Tiểu học, THCS, THPT) theo đúng cấp học đã đăng ký.

2. Đối tượng:

2.1. Nghiệp vụ sư phạm giáo viên Tiểu học

- Người có bằng cao đẳng trở lên hoặc sinh viên đã tích lũy tối thiểu 70% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng trở lên đào tạo phù hợp với các môn Mỹ thuật, môn Âm nhạc, môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh, môn Tiếng Trung) cấp Tiểu học, môn Tin học và Công nghệ.

- Người có bằng cử nhân trở lên hoặc sinh viên đã tích lũy tối thiểu 70% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành đào tạo phù hợp với môn Giáo dục thể chất.

2.2. Nghiệp vụ sư phạm giáo viên THCS, THPT.

- Người có bằng cử nhân trở lên hoặc sinh viên đã tích lũy tối thiểu 70% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành đào tạo phù hợp với môn học và cấp học.

Ký số tại DThU, xác thực chữ ký tại https://do.dthu.edu.vn/xac-nhan-ky-so

- Người có bằng cao đẳng trở lên hoặc sinh viên đã tích lũy tối thiểu 70% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng trở lên đào tạo phù hợp với các môn Mỹ thuật, môn Âm nhạc, môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), môn Tin học và Công nghệ.

3. Môn học, cấp học: Tuyển sinh 21 nhóm môn học phù hợp từng cấp học (Tiểu học, THCS, THPT) theo danh mục tại Mục I Phụ lục. Người có ngành đào tạo ngoài danh mục vẫn được nộp hồ sơ để Hội đồng đối sánh, xét từng trường hợp.

4. Hình thức và thời gian học:

4.1 Hình thức: Trực tiếp kết hợp trực tuyến (lý thuyết, chủ yếu vào buổi tối các ngày trong tuần) và trực tiếp (thứ Bảy, Chủ nhật tại Trường Đại học Đồng Tháp hoặc các đơn vị liên kết tại các địa điểm như: tỉnh Cà Mau, thành phố Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị liên kết khác đáp ứng điều kiện; mỗi địa điểm tổ chức khi đủ số lượng học viên.

4.2. Thời gian bồi dưỡng: tối thiểu 06 tháng, tối đa 18 tháng. Chi tiết tại Mục III Phụ lục.

5. Học phí:

- Trọn khóa 6.500.000 đồng/học viên/cấp học (32 tín chỉ), được giảm theo số tín chỉ được miễn trừ (nếu có).

- Đăng ký đồng thời hai cấp học (không học lại Khối kiến thức chung): nộp thêm 4.700.000 đồng cho cấp học thứ hai nếu đăng ký tiểu học và THCS hoặc THPT; nộp thêm 3.290.000 đồng nếu đăng ký THCS và THPT.

- Học viên chỉ nộp học phí sau khi có kết quả xét hồ sơ và thông báo học phí phải nộp của từng học viên; Trường không thu bất kỳ khoản tiền nào khi đăng ký trực tuyến và nộp hồ sơ.

6. Hồ sơ và đăng ký:

Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia bồi dưỡng (*Mẫu 01*);
- Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng/đại học trở lên và bảng điểm toàn khóa (người mới tốt nghiệp chưa có bằng nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời);
- Đối với sinh viên: Giấy xác nhận đã tích lũy tối thiểu 70% tổng khối lượng học tập (*Mẫu 04*), kèm bảng điểm tích lũy;
- Bản photo căn cước công dân;
- Hồ sơ đề nghị miễn trừ học phần (nếu có): Đơn đề nghị (*Mẫu 02*) kèm bảng điểm, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận kết quả học tập;
- Giấy xác nhận của đơn vị công tác (*Mẫu 03*), đối với học viên đang công tác tại cơ sở giáo dục phổ thông có nhu cầu thực tập tại đơn vị.

Người có nhu cầu đăng ký trực tuyến để được tư vấn, đối chiếu ngành đào tạo; nộp hồ sơ về Trung tâm Liên kết đào tạo và Bồi dưỡng (chi tiết tại Mục V Phụ lục):

Đăng ký trực tuyến tại: https://forms.gle/M31pGFFtfWMBpgiU6 Đăng ký thông tin trực tuyến để xếp lớp, nộp hồ sơ giấy về Trung tâm Liên kết đào tạo và Bồi dưỡng.	Quét mã QR đăng ký

7. Thời gian tuyển sinh và xét hồ sơ:

- Đăng ký trực tuyến nhận thông tin, tư vấn: từ ngày ban hành Thông báo.

- Nhận hồ sơ khóa 1: từ ngày 20/11/2026 đến 06/12/2026.

- Dự kiến khai giảng: dự kiến 22/12/2026 (Khi có đủ 60 học viên/lớp; mỗi ngành ít nhất 30 học viên).

8. Liên hệ:

Trung tâm Liên kết đào tạo và Bồi dưỡng, Trường Đại học Đồng Tháp

- Văn phòng: Tầng 3, tòa nhà Khát Vọng (nhà H3) – Số 783, đường Phạm Hữu Lầu, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Điện thoại: 02773.830.383; Website: https://lkdt-bdn.dthu.edu.vn;
- Hotline (Zalo): 0889.830.383 (Bà Nguyễn Thị Phương Mai)./

Nơi nhận:
- Các đơn vị liên kết;
- Các đơn vị trong Trường (để phối hợp);
- Website Trường, Trung tâm LKĐT&BD;
- Lưu: VT, TT LKĐT&BD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Hồ Sỹ Thắng

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN CHI TIẾT TUYỂN SINH KHÓA 1 CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THEO THÔNG TƯ SỐ 91/2026/TT-BGDĐT

(Kèm theo Thông báo số 7115/TB-ĐHĐT ngày 17/11/2026 của Trường Đại học Đồng Tháp)

I. DANH MỤC MÔN HỌC, CẤP HỌC VÀ NGÀNH ĐÀO TẠO PHÙ HỢP

TT	Môn học	Cấp học	Ngành đề xuất xét phù hợp
A. Cấp THCS, THPT (trình độ cử nhân trở lên hoặc sinh viên đã tích lũy tối thiểu 70% tổng khối lượng học tập)			
1	Toán	THCS, THPT	**Ngành đúng:** Toán học, Toán ứng dụng, Khoa học tính toán, Toán tin **Xét từng hồ sơ (*):** Toán và Thống kê
2	Ngữ văn	THCS, THPT	**Ngành đúng:** Văn học, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam. **Xét từng hồ sơ (*):** Hán Nôm, Ngôn ngữ học.
3	Tiếng Anh	THCS, THPT	**Ngành đúng:** Ngôn ngữ Anh
4	Tiếng Trung Quốc	THCS, THPT	**Ngành đúng:** Ngôn ngữ Trung Quốc
5	Tin học	THCS, THPT	**Ngành đúng:** Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo **Xét từng hồ sơ (*):** An ninh mạng, Mạng máy tính và an ninh, Trí tuệ nhân tạo ứng dụng, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính
6	Khoa học tự nhiên	THCS	**Xét từng hồ sơ (*):** Khoa học tự nhiên, Vật lý học, Hóa học, Sinh học *Môn tích hợp: người có bằng một chuyên ngành bổ sung kiến thức các phần còn lại theo kết quả đối sánh chuẩn đầu ra; người đã có chứng chỉ bồi dưỡng dạy học môn Khoa học tự nhiên (liên môn/tích hợp) được Hội đồng xem xét công nhận, không phải học bổ sung.*
7	Vật lý	THPT	**Ngành đúng:** Vật lý học, Vật lý nguyên tử và hạt nhân **Xét từng hồ sơ (*):** Vật lý kỹ thuật
8	Hóa học	THPT	**Ngành đúng:** Hóa học **Xét từng hồ sơ (*):** Hóa dược, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học

TT	Môn học	Cấp học	Ngành đề xuất xét phù hợp
9	Sinh học	THPT	**Ngành đúng:** Sinh học **Xét từng hồ sơ (*):** Công nghệ sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sinh học ứng dụng
10	Lịch sử và Địa lý	THCS	**Xét từng hồ sơ (*):** Lịch sử, Địa lý học, Địa lý tự nhiên *Môn tích hợp: người có bằng một chuyên ngành bổ sung kiến thức phần còn lại theo kết quả đối sánh chuẩn đầu ra; người đã có chứng chỉ bồi dưỡng dạy học môn Lịch sử và Địa lý (liên môn/tích hợp) được Hội đồng xem xét công nhận, không phải học bổ sung.*
11	Lịch sử	THPT	**Ngành đúng:** Lịch sử
12	Địa lý	THPT	**Ngành đúng:** Địa lý học, Địa lý tự nhiên
13	Giáo dục công dân	THCS	**Ngành đúng:** Chính trị học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Triết học Mác – Lê-nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
14	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	**Ngành đúng:** Luật, Chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Triết học Mác – Lê-nin
15	Công nghệ	THCS, THPT	**Ngành đúng:** Định hướng Công nghiệp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Kỹ thuật điện, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô. Định hướng Nông nghiệp: Nông học, Chăn nuôi, Nuôi trồng thủy sản, Lâm sinh **Xét từng hồ sơ (*):** Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông; Bảo vệ thực vật, Khoa học cây trồng, Công nghệ nông nghiệp *Cấp THCS: bổ sung kiến thức của định hướng còn lại theo kết quả đối sánh.*
16	Giáo dục thể chất	THCS, THPT	**Ngành đúng:** Huấn luyện thể thao
B. Các môn học có quy định riêng về trình độ (áp dụng cả cấp tiểu học)			
17	Giáo dục thể chất	Tiểu học (cử nhân trở lên)	**Ngành đúng:** Huấn luyện thể thao
18	Âm nhạc; Nghệ thuật (Âm nhạc)	Tiểu học, THCS, THPT (cao đẳng trở lên)	**Ngành đúng:** Thanh nhạc, Chỉ huy âm nhạc, Biểu diễn nhạc cụ phương Tây, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống **Xét từng hồ sơ (*):** Âm nhạc học
19	Mĩ thuật; Nghệ thuật (Mĩ thuật)	Tiểu học, THCS, THPT (cao đẳng trở	**Ngành đúng:** Hội họa, Đồ họa, Mỹ thuật tạo hình, Điêu khắc, Mỹ thuật ứng dụng, Mỹ thuật đô thị

TT	Môn học	Cấp học	Ngành đề xuất xét phù hợp
		lên hoặc sinh viên đã tích lũy tối thiểu 70%)	**Xét từng hồ sơ (*):** Thiết kế đồ họa
20	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tiểu học (cao đẳng trở lên)	**Ngành đúng:** Ngôn ngữ Anh
21	Tin học và Công nghệ	Tiểu học (cao đẳng trở lên)	**Ngành đúng:** Định hướng Tin học: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu. Định hướng Công nghệ: Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Nông học. **Xét từng hồ sơ (*):** Kỹ thuật máy tính, Tin học ứng dụng, An toàn thông tin, Trí tuệ nhân tạo; Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Bảo vệ thực vật, Khoa học cây trồng

Ghi chú:

- Danh mục ngành nêu trên là danh mục đề xuất để tiếp nhận và xét hồ sơ, không mặc nhiên xác định ngành phù hợp. Ngành phù hợp được xác định trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng kiến thức chuyên môn của chương trình đào tạo với yêu cầu của môn học, cấp học (khoản 4 Mục I Chương trình bồi dưỡng); Hội đồng lập biên bản đối sánh cho từng hồ sơ, Hiệu trưởng quyết định công nhận học viên.
- Ngành đúng: người học không phải học bổ sung kiến thức chuyên môn. Ngành xét từng hồ sơ (*) và ngành không có tên trong danh mục: người học vẫn được nộp hồ sơ (kèm chương trình đào tạo hoặc đề cương học phần chuyên môn); căn cứ kết quả đối sánh, Hội đồng có thể yêu cầu học phần bổ sung kiến thức chuyên môn.
- Người học thuộc diện học bổ sung phải hoàn thành học phần bổ sung trước khi tham gia Chương trình bồi dưỡng (điểm b khoản 5 Mục V Chương trình bồi dưỡng) và nộp học phí theo Mục IV.3 Phụ lục này; người chưa hoàn thành kịp trước ngày khai giảng được chuyển sang khóa sau.
- Sinh viên đã tích lũy tối thiểu 70% tổng khối lượng học tập được xét theo khoản 1, 2, 3 Mục I Chương trình bồi dưỡng đối với môn học – cấp học tương ứng; hồ sơ phải có bảng điểm xác nhận khối lượng đã tích lũy và ngành đang theo học.
- Tên ngành được ghi theo Danh mục thống kê ngành đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT; ngành có tên gọi mới theo Thông tư số 74/2026/TT-BGDĐT được xác định tương đương với ngành có tên cũ tương ứng. Đối với trình độ cao đẳng, tên ngành, nghề áp dụng theo danh mục ngành, nghề giáo dục nghề nghiệp hiện hành.

- Học viên đăng ký theo một môn học – cấp học; có nhu cầu học thêm cấp học thứ hai thì đăng ký đồng thời và không học lại Khối kiến thức chung.
- Khối kiến thức chung mở lớp khi có tối thiểu 30 học viên; mỗi môn học – cấp học thuộc khối chuyên ngành chỉ mở nhóm khi Trường có mã ngành đào tạo giáo viên và đã đào tạo giáo viên đối với môn học tương ứng, đủ điều kiện giảng viên và có tối thiểu 10 học viên. Môn học – cấp học chưa đủ điều kiện được chuyển sang đợt sau hoặc ghép nhóm theo quy định. Danh mục môn học – cấp học mở lớp chính thức của khóa 1 được chốt sau khi kết thúc nhận hồ sơ (06/12/2026).

II. CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC HỌC PHẦN

(Theo Chương trình ban hành kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BGDĐT ngày 23/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương trình bồi dưỡng gồm 32 tín chỉ: Khối kiến thức chung 12 tín chỉ bắt buộc; Khối kiến thức chuyên ngành và thực tập sư phạm 20 tín chỉ (16 tín chỉ bắt buộc, 04 tín chỉ tự chọn). Tên học phần chuyên ngành, tự chọn và thực tập sư phạm được ghi theo cấp học đăng ký (ở cấp TH/THCS/THPT); [tên môn học] là môn học học viên đăng ký.

Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết (LT/TH)	Nội dung chính
I	**KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (bắt buộc)**	**12**		
KTC1	Tâm lý học giáo dục	3	30/30	Cơ sở tâm lý học giáo dục, tâm lý lứa tuổi, tâm lý học dạy học và giáo dục; tư vấn tâm lý, quản lý lớp học; ứng dụng tâm lý học trong dạy học, giáo dục và hỗ trợ học sinh.
KTC2	Giáo dục học	3	30/30	Giáo dục học, lý luận dạy học, lý luận giáo dục và nhân cách người giáo viên; kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục và phát triển nghề nghiệp giáo viên.
KTC3	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp TH/THCS/THPT	2	15/30	Đặc điểm, phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm (TH), hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (THCS/THPT); thiết kế, tổ chức, đánh giá chủ đề hoạt động phù hợp với học sinh và Chương trình giáo dục phổ thông.
KTC4	Giao tiếp sư phạm	2	15/30	Đặc điểm, nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm; quy tắc ứng xử trong trường học; xử lý tình huống giao tiếp trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.
KTC5	Sư phạm số và công nghệ dạy học	2	15/30	Khung năng lực số của giáo viên; khai thác dữ liệu, phát triển học liệu số; dạy học, kiểm tra, đánh giá trong môi trường số; an toàn số; bước đầu vận

Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết (LT/TH)	Nội dung chính
				dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học, giáo dục.
II	**KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH VÀ THỰC TẬP SƯ PHẠM**	**20**		
1	**Chuyên ngành bắt buộc**	**10**		
CN1	Phương pháp dạy học phát triển năng lực môn [tên môn học] ở cấp TH/THCS/THPT	3	30/30	Dạy học phát triển năng lực; các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; vận dụng, phối hợp phương pháp, kỹ thuật trong dạy học môn học.
CN2	Kiểm tra, đánh giá ở cấp TH/THCS/THPT	2	15/30	Vai trò, nguyên tắc, quy trình đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh; phương pháp, hình thức và công cụ đánh giá; thiết kế công cụ đánh giá.
CN3	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học môn [tên môn học] ở cấp TH/THCS/THPT	3	30/30	Căn cứ, quy trình xây dựng kế hoạch dạy học năm học và kế hoạch bài dạy; tiêu chí đánh giá kế hoạch bài dạy; tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học.
CN4	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở cấp TH/THCS/THPT	2	5/50	Thiết kế, tổ chức dạy học trực tiếp và trên môi trường số; giao tiếp, thuyết trình, trình bày bảng, quản lý lớp học, xử lý tình huống sư phạm; thực hành dạy thử.
2	**Chuyên ngành tự chọn (chọn 02 trong 06 học phần)**	**4**		
TC1	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở cấp TH/THCS/THPT	2	15/30	Vai trò, khung nghiên cứu, phương pháp và quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; kỹ năng tổ chức nghiên cứu.
TC2	Tổ chức hoạt động giáo dục STEM ở cấp TH/THCS/THPT	2	15/30	Bản chất, vai trò, quy trình và hình thức tổ chức giáo dục STEM; xây dựng chủ đề, bài dạy STEM và đánh giá kết quả hoạt động.
TC3	Tổ chức hoạt động giáo dục ở cấp TH/THCS/THPT	2	15/30	Sinh hoạt tập thể, hoạt động Đội, hoạt động Đoàn, hoạt động xã hội và truyền thông trong trường học; kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục.
TC4	Phối hợp giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh ở cấp TH/THCS/THPT	2	15/30	Vai trò, nguyên tắc, nội dung và hình thức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng; kỹ năng phối hợp trong giáo dục học sinh.

Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết (LT/TH)	Nội dung chính
TC5	Phát triển chương trình giáo dục nhà trường ở cấp TH/THCS/THPT	2	15/30	Cách tiếp cận, cấp độ phát triển và đánh giá chương trình giáo dục nhà trường, chương trình môn học phù hợp với địa phương, nhà trường.
TC6	Quản lý hành vi của học sinh ở cấp TH/THCS/THPT	2	15/30	Nguyên tắc, chiến lược, biện pháp quản lý hành vi của học sinh; khen thưởng và kỷ luật tích cực.
3	**Thực tập sư phạm**	**6**		
TTSP1	Thực tập sư phạm 1 ở cấp TH/THCS/THPT	3	0/90	Tìm hiểu cơ sở thực tập, đặc điểm học sinh và công việc của giáo viên; quan sát hoạt động dạy học, giáo dục; tham gia công tác chủ nhiệm, xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hành dạy học.
TTSP2	Thực tập sư phạm 2 ở cấp TH/THCS/THPT	3	0/90	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; thực hiện công tác chủ nhiệm, kiểm tra, đánh giá; tham gia hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực tập.
	TỔNG CỘNG	32		

Ghi chú: Số tiết ghi theo thứ tự số tiết lý thuyết/số tiết thảo luận, thực hành, thực tập. Học phần CN1, CN3 tổ chức theo từng môn học – cấp học; các học phần còn lại của Khối kiến thức chuyên ngành và thực tập sư phạm tổ chức theo cấp học. Học viên đăng ký đồng thời hai cấp học không học lại Khối kiến thức chung.

III. HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ THỰC TẬP SƯ PHẠM

1. Hình thức học tập

- Kết hợp trực tiếp và trực tuyến. Phần lý thuyết học trực tuyến trên hệ thống E-learning của Trường, chủ yếu vào buổi tối các ngày trong tuần.
- Học trực tiếp (điểm b khoản 3 Mục V Chương trình bồi dưỡng): các tiết thực hành, thảo luận của học phần CN1, CN2, CN3 và toàn bộ học phần CN4, TTSP1, TTSP2. Các buổi học trực tiếp bố trí vào thứ Bảy, Chủ nhật tại một trong các địa điểm: Trường Đại học Đồng Tháp; tỉnh Cà Mau; thành phố Cần Thơ; Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Cao đẳng Đà Lạt; hoặc các đơn vị liên kết khác đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị (điểm c khoản 1 Mục V Chương trình bồi dưỡng). Mỗi địa điểm được tổ chức khi đủ số lượng học viên; lịch cụ thể thông báo khi khai giảng.

2. Thời gian bồi dưỡng

- Thông tin, tư vấn tuyển sinh và nhận hồ sơ: từ ngày ban hành Thông báo đến hết ngày 06/12/2026 (chưa thu học phí).
- Xét hồ sơ khóa 1: từ ngày 7/12/2026 đến hết ngày 14/12/2026; dự kiến khai giảng ngày 22/12/2026.

- Thời gian bồi dưỡng: tối thiểu 06 tháng, tối đa 18 tháng.

3. Thực tập sư phạm

- Thực tập tại cơ sở giáo dục phổ thông. Học viên tự liên hệ cơ sở thực tập đáp ứng yêu cầu tại điểm đ khoản 3 Mục V Chương trình bồi dưỡng và đề xuất với Trung tâm; Trường cấp giấy giới thiệu thực tập theo đề xuất của học viên. Trường hợp học viên không tự liên hệ được, Trường giới thiệu đến cơ sở thực tập trong danh sách Trường đã liên hệ.
- Học viên đang công tác tại cơ sở giáo dục phổ thông được đăng ký thực tập tại nơi công tác khi cơ sở đồng ý tiếp nhận; được giảm số tiết thực tập hằng tuần và kéo dài thời gian thực tập, bảo đảm đủ tổng số tiết thực tập theo quy định.
- Môn học chưa được giảng dạy tại cơ sở giáo dục phổ thông: thực tập tại trung tâm được cấp phép hoạt động có tổ chức giảng dạy môn học tương ứng.
- Kinh nghiệm giảng dạy không thay thế học phần thực tập sư phạm.
- Kinh phí thực tập sư phạm do học viên tự chi trả cho cơ sở thực tập, không thu qua Trường (xem Mục IV.4).

IV. HỌC PHÍ, MIỄN TRỪ HỌC PHẦN VÀ HOÀN TRẢ

1. Mức học phí

Mức thu trọn khóa: 6.500.000 đồng/học viên/cấp học (32 tín chỉ), tính theo học phí theo tín chỉ như sau:

Cấu phần	Cách tính	Số tiền (đồng)
Khối kiến thức chung (12 tín chỉ)	12 tín chỉ × 150.000 đồng; giảm theo số tín chỉ được miễn trừ	1.800.000
Khối kiến thức chuyên ngành và thực tập sư phạm (20 tín chỉ)	20 tín chỉ × 235.000 đồng; giảm theo số tín chỉ được miễn trừ	4.700.000
Cộng học phí Trường thu		**6.500.000**

Kinh phí thực tập sư phạm 800.000 đồng/học viên/cấp học (TTSP1: 200.000 đồng; TTSP2: 600.000 đồng) không thu qua Trường và không nằm trong mức thu nêu trên (xem Mục IV.4). Học phí theo tín chỉ đã bao gồm chi phí giảng dạy, tài khoản và học liệu số, tổ chức thực tập sư phạm, kiểm tra đánh giá. Ngoài các khoản nêu tại Phụ lục này, học viên không phải nộp thêm khoản nào khác cho Trường.

2. Giảm học phí khi được miễn trừ học phần

Học phí phải nộp = 6.500.000 đồng − (Số tín chỉ Khối kiến thức chung được miễn trừ × 150.000 đồng) − (Số tín chỉ học phần khác được miễn trừ × 235.000 đồng). Ví dụ:

Trường hợp	Số tín chỉ được miễn trừ	Học phí phải nộp (đồng)
Không được miễn trừ	0	6.500.000
Được miễn trừ 02 học phần Khối kiến thức chung	4	5.900.000
Được miễn trừ toàn bộ Khối kiến thức chung	12	4.700.000

Học viên được miễn trừ học phần TTSP1, TTSP2 thì không phải chi trả kinh phí thực tập sư phạm tương ứng cho cơ sở thực tập.

3. Các trường hợp khác

- Đăng ký đồng thời cấp tiểu học và cấp THCS hoặc THPT: không học lại Khối kiến thức chung; nộp thêm 4.700.000 đồng cho cấp học thứ hai (20 tín chỉ chuyên ngành và thực tập sư phạm × 235.000 đồng).
- Đăng ký đồng thời cấp THCS và cấp THPT: không học lại Khối kiến thức chung; học phần CN2 và 02 học phần tự chọn (06 tín chỉ) đã học ở cấp học thứ nhất được Hội đồng xem xét công nhận cho cấp học thứ hai; nộp thêm 3.290.000 đồng cho cấp học thứ hai (14 tín chỉ gồm CN1, CN3, CN4, TTSP1, TTSP2 × 235.000 đồng).
- Học lại học phần không đạt: 150.000 đồng/tín chỉ đối với học phần thuộc Khối kiến thức chung; 235.000 đồng/tín chỉ đối với học phần khác; học lại học phần TTSP1, TTSP2 tự chi trả kinh phí thực tập tương ứng cho cơ sở thực tập.
- Học phần bổ sung kiến thức chuyên môn (nếu có, theo điểm b khoản 5 Mục V Chương trình bồi dưỡng): 200.000 đồng/tín chỉ nếu lớp học bổ sung có từ 15 học viên trở lên; 250.000 đồng/tín chỉ nếu lớp có từ 10 đến dưới 15 học viên.

4. Kinh phí thực tập sư phạm

Kinh phí thực tập sư phạm (TTSP1, TTSP2; gồm chi phí hướng dẫn, quản lý thực tập, sử dụng cơ sở vật chất, hồ sơ, tài liệu của cơ sở thực tập) tổng 800.000 đồng/học viên/cấp học (TTSP1: 200.000 đồng; TTSP2: 600.000 đồng) không thu qua Trường; học viên tự chi trả trực tiếp cho cơ sở thực tập và Trường không hoàn trả khoản này. Chậm nhất 30 ngày sau khi kết thúc đợt thực tập, học viên nộp về Trường một trong các minh chứng sau: phiếu thu của cơ sở thực tập; giấy xác nhận có thu (ký tên, đóng dấu, ghi rõ số tiền đã thu). Chi phí đi lại, ăn ở cá nhân trong thời gian thực tập do học viên tự chi trả.

5. Điều kiện xét miễn trừ học phần

- Được xét miễn trừ khi có minh chứng đã hoàn thành học phần có chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập tương đương, gồm: học phần đã tích lũy theo Chương trình bồi dưỡng ban hành kèm Thông tư số 11/2021/TT-BGDĐT hoặc Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT; học phần trong chương trình đào tạo giáo viên đã hoàn thành. Việc xét căn cứ đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung, khối lượng học tập (điểm b khoản 5 Mục V Chương trình bồi dưỡng); không giới hạn số tín chỉ được miễn trừ nếu đáp ứng yêu cầu đối sánh.
- Không xét miễn trừ học phần CN4, TTSP1, TTSP2, trừ trường hợp Hội đồng xác định học viên đã hoàn thành học phần thực hành, thực tập tương đương (theo Thông tư số 11/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT hoặc chương trình đào tạo giáo viên). Kinh nghiệm giảng dạy không thay thế học phần thực tập sư phạm.
- Hội đồng xét công nhận, chuyển đổi kết quả học tập và miễn trừ học phần của Trường xét và có kết quả trước khi thông báo học phí phải nộp của từng học viên (chậm nhất ngày 21/12/2026); học phí giảm theo số tín chỉ trong quyết định miễn trừ. Trường hợp kết quả miễn trừ có sau khi học viên đã nộp học phí,

Trung tâm phối hợp Phòng Kế hoạch – Tài chính hoàn trả hoặc cấn trừ phần chênh lệch.

6. Phương thức nộp và hoàn trả học phí

- Nộp bằng hình thức chuyển khoản theo hướng dẫn trong thông báo học phí gửi từng học viên; nộp một lần hoặc hai đợt (đợt 1 tối thiểu 50% trước ngày khai giảng; đợt 2 trước đợt thực tập sư phạm). Tài khoản học tập được cấp sau khi kế toán đối soát xong học phí.
- Hoàn trả 100% học phí đã nộp nếu môn học – cấp học không đủ điều kiện mở lớp hoặc học viên không đủ điều kiện dự học sau khi xét hồ sơ; học viên xin rút trước ngày khai giảng cũng được hoàn trả 100% học phí đã nộp.

V. HỒ SƠ VÀ CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ

1. Hồ sơ gồm (các Mẫu 01 – 04 kèm theo Phụ lục này)

- 01 Phiếu đăng ký tham gia bồi dưỡng (Mẫu 01).
- 01 bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng/đại học trở lên và bảng điểm toàn khóa. Người mới tốt nghiệp chưa có bằng nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.
- Đối với sinh viên: Giấy xác nhận đã tích lũy tối thiểu 70% tổng khối lượng học tập (Mẫu 04, do cơ sở đào tạo xác nhận) kèm bảng điểm tích lũy.
- 01 bản sao căn cước công dân;
- Hồ sơ đề nghị miễn trừ học phần (nếu có): Đơn đề nghị (Mẫu 02) kèm bảng điểm, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận kết quả học tập và đề cương học phần đã học.
- Học viên đang công tác tại cơ sở giáo dục phổ thông có nhu cầu thực tập tại đơn vị: Giấy xác nhận của đơn vị công tác (Mẫu 03).

Lưu ý: Hội đồng đối sánh ngành đào tạo dựa trên bảng điểm; học viên có ngành đào tạo không thuộc danh mục tại Mục I nộp thêm chương trình đào tạo hoặc đề cương các học phần chuyên môn để Hội đồng xem xét. Hồ sơ bản giấy được hoàn thiện trước ngày khai giảng để phục vụ cấp chứng chỉ.

2. Cách thức đăng ký và nơi nhận hồ sơ

- Đăng ký trực tuyến theo đường liên kết hoặc mã QR nêu tại Thông báo để được tư vấn, đối chiếu ngành đào tạo; từ ngày 20/11/2026 nộp hồ sơ bảng giấy về Trung tâm Liên kết đào tạo và Bồi dưỡng, Trường Đại học Đồng Tháp (địa chỉ và số điện thoại liên hệ nêu tại Thông báo).
- Thời hạn nhận hồ sơ: từ ngày 20/11/2026 đến hết ngày 06/12/2026. Học viên chỉ nộp học phí sau khi có kết quả xét hồ sơ và thông báo học phí phải nộp của từng học viên; Trường không thu bất kỳ khoản tiền nào khi đăng ký trực tuyến và nộp hồ sơ.

VI. ĐÁNH GIÁ, CẤP CHỨNG CHỈ VÀ LƯU Ý ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐĂNG KÝ

- Học viên tham dự tối thiểu 80% số tiết của học phần và có điểm học phần từ 5,0 trở lên (thang điểm 10) thì đạt học phần; hoàn thành tất cả học phần của cấp học

đăng ký được cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên tiểu học, THCS hoặc THPT tương ứng (khoản 4 Mục V Chương trình bồi dưỡng).

- Việc nhận hồ sơ chưa phải là công nhận học viên. Học viên chỉ được công nhận sau khi Hội đồng xét hồ sơ và Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận học viên.
- Học viên thuộc diện phải học bổ sung kiến thức chuyên môn theo kết quả đối sánh của Hội đồng mà không đủ điều kiện tham gia khai giảng khóa 1 được Trường sắp xếp lịch học bổ sung và tham dự các lớp tiếp theo; Trường thông báo lịch học bổ sung và lớp dự kiến cùng với kết quả xét hồ sơ.
- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm là một trong các điều kiện về trình độ của giáo viên. Việc tuyển dụng giáo viên thực hiện theo quy định của Luật Nhà giáo, các văn bản hướng dẫn và yêu cầu của cơ quan, đơn vị tuyển dụng; người học chủ động tìm hiểu điều kiện tuyển dụng tại địa phương, Trường không cam kết việc làm.
- Người học chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ; trường hợp phát hiện hồ sơ không đúng sự thật, Trường hủy kết quả công nhận học viên, thu hồi chứng chỉ (nếu đã cấp).

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA

Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có nguyện vọng trở thành giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (Thông tư số 91/2026/TT-BGDĐT)

Kính gửi: Trường Đại học Đồng Tháp

Họ và tên (chữ in hoa): …….

Ngày sinh: ……/……/…… Giới tính: …… Nơi sinh: ……

Số CCCD: ……..…… Ngày cấp: …./…./…..… Nơi cấp: ……

Địa chỉ thường trú: ……

Đơn vị công tác (nếu có, ghi rõ xã/phường, tỉnh/thành phố): ……..

……...

Môn giảng dạy: ……..…… cấp: …….. (kèm Mẫu xác nhận – *Mẫu 03*)

Điện thoại (Zalo): …… Email: ……..……

Trình độ đào tạo (đánh dấu ×): ☐ Cao đẳng ☐ Đại học

Ngành đào tạo: ……..……..……

Năm tốt nghiệp: ……. Cơ sở đào tạo: ……

Trường hợp là sinh viên: đã tích lũy ……% tổng khối lượng học tập (kèm *Mẫu 04*)

Đăng ký bồi dưỡng (đánh dấu × vào ô môn học – cấp học đăng ký; đăng ký thêm cấp học thứ hai của cùng môn học thì đánh dấu thêm ô cấp học đó):

Môn học	TH	THCS	THPT	Môn học	TH	THCS	THPT
Toán	–	☐	☐	Sinh học	–	–	☐
Ngữ văn	–	☐	☐	Lịch sử và Địa lý	–	☐	–
Tiếng Anh	☐	☐	☐	Lịch sử	–	–	☐
Tiếng Trung Quốc	☐	☐	☐	Địa lý	–	–	☐
Tin học	☐	☐	☐	Giáo dục công dân	–	☐	–
Công nghệ	☐	☐	☐	Giáo dục kinh tế và pháp luật	–	–	☐
Khoa học tự nhiên	–	☐	–	Giáo dục thể chất	☐	☐	☐
Vật lý	–	–	☐	Âm nhạc; Nghệ thuật (Âm nhạc)	☐	☐	☐
Hóa học	–	–	☐	Mĩ thuật; Nghệ thuật (Mĩ thuật)	☐	☐	☐

Đề nghị miễn trừ học phần: ☐ Không ☐ Có (kèm Đơn đề nghị – *Mẫu 02*)

Tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật; thực hiện đúng quy định tổ chức bồi dưỡng, nội quy học tập và nộp học phí theo quy định của Trường Đại học Đồng Tháp. Tôi đã được biết chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm là một trong các điều kiện về trình độ và việc tuyển dụng giáo viên thực hiện theo quy định của cơ quan tuyển dụng.

……, ngày …. tháng …. năm 20….

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ MIỄN TRỪ HỌC PHẦN

Kính gửi: Hội đồng xét công nhận, chuyển đổi kết quả học tập và miễn trừ học phần
Trường Đại học Đồng Tháp

Họ và tên: ……. Ngày sinh: ……/……/……
Điện thoại: ……..

Đăng ký bồi dưỡng môn học: …… Cấp học: …….

Tôi đề nghị được công nhận, miễn trừ các học phần sau:

TT	Học phần đề nghị miễn trừ (theo Chương trình TT 91)	Số TC	Học phần đã học tương đương (tên, nơi học, năm học)	Số Tín chỉ	Điểm
1					
2					
3					
4					
5					

Minh chứng kèm theo: ☐ Bảng điểm ☐ Chứng chỉ/Giấy chứng nhận kết quả học tập
☐ Đề cương học phần ☐ Khác: ……

Tôi cam kết các minh chứng là đúng sự thật và chấp hành kết quả xét của Hội đồng.

……, ngày …. tháng …. năm 20….

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
(Đối với học viên đang công tác tại cơ sở giáo dục phổ thông)

Kính gửi: ……..

Tôi tên (chữ in hoa): …… Ngày sinh: ..…./……/……..…

Hiện đang công tác tại: ……..…

Từ thời gian: …./…./…… Công việc đang đảm nhiệm: …….…….

……...

Tôi làm đơn này đề nghị đơn vị xác nhận thông tin trên và đồng ý tiếp nhận tôi thực tập sư phạm tại đơn vị trong thời gian tham gia Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo Thông tư số 91/2026/TT-BGDĐT do Trường Đại học Đồng Tháp tổ chức, môn học: ……..……..… cấp học: ……..……..

Xác nhận của đơn vị
Xác nhận thông tin trên là đúng sự thật;
☐ Đồng ý tiếp nhận thực tập sư phạm
……, ngày …. tháng …. năm 20….
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

……, ngày …. tháng …. năm 20….
Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN SINH VIÊN
(Đã tích lũy tối thiểu 70% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo)

Kính gửi: ……
(cơ sở đào tạo nơi sinh viên đang học)

Tôi tên: …… Ngày sinh: ……/……/……

Mã số sinh viên: ……..…… Ngành: ……

Trình độ: ☐ Cao đẳng ☐ Đại học Khóa: ……..… Lớp: ……...……

Hình thức: ……

Tổng khối lượng chương trình đào tạo: …….…… tín chỉ; đã tích lũy: …… tín chỉ (đạt ……%).

Đề nghị nhà trường xác nhận để tôi đăng ký tham gia Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo Thông tư số 91/2026/TT-BGDĐT tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Xác nhận của cơ sở đào tạo	……, ngày …. tháng …. năm 20….
……, ngày …. tháng …. năm 20….	**Sinh viên**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	(Ký, ghi rõ họ tên)

* Ghi chú: Gởi kèm kèm bảng điểm tích lũy.